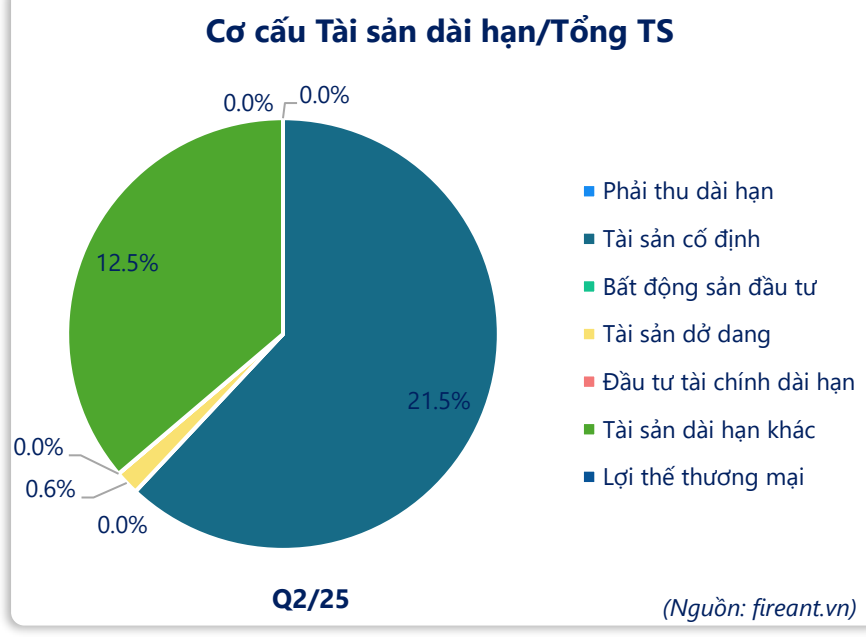
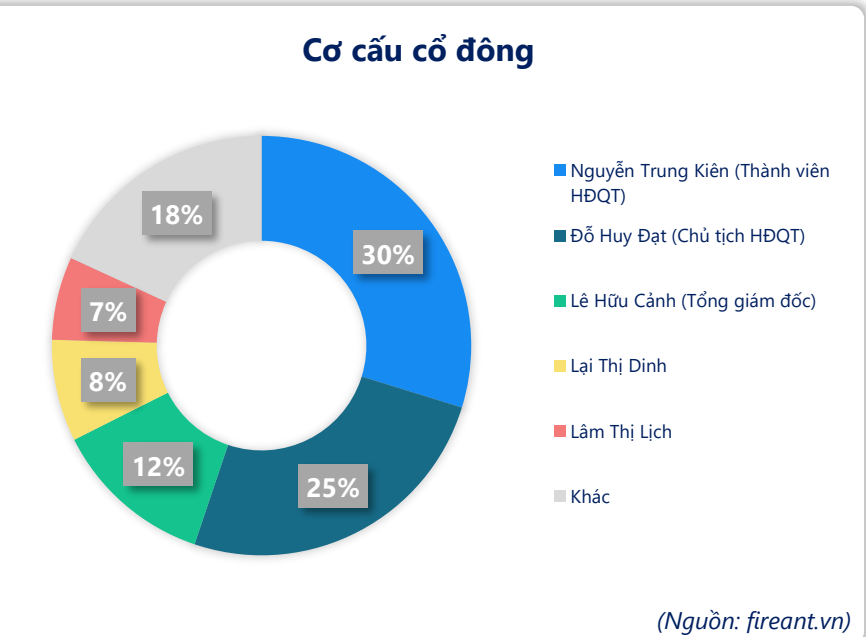
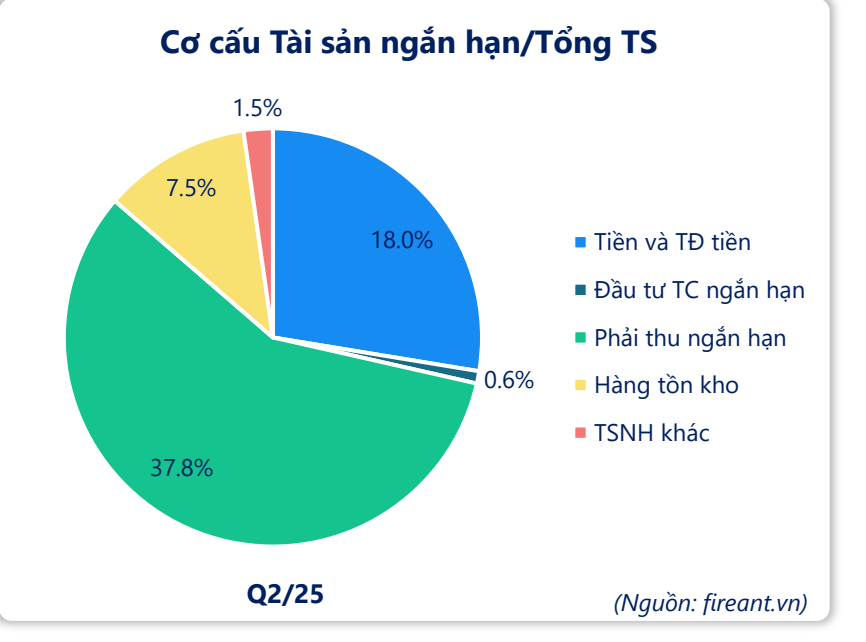
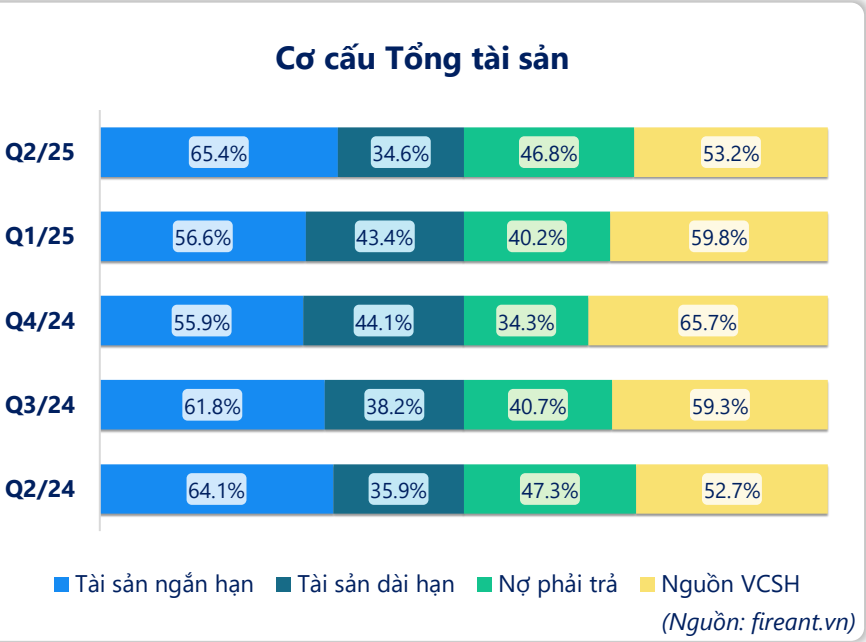
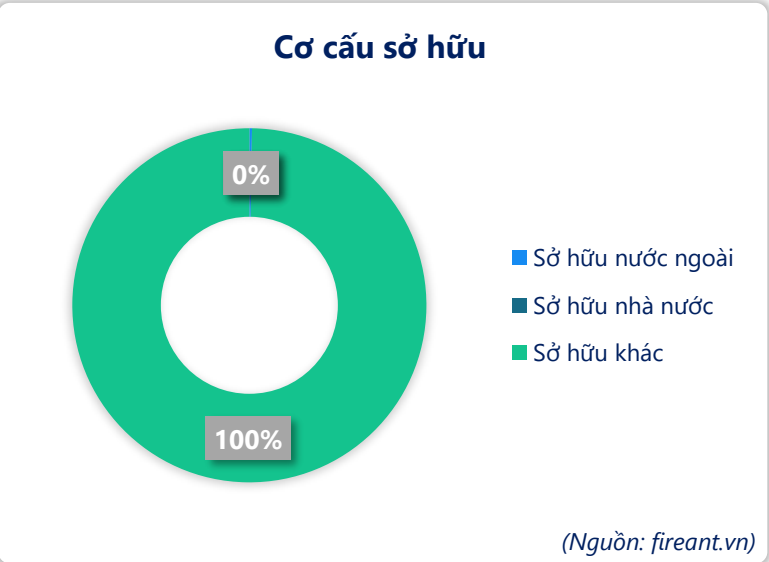
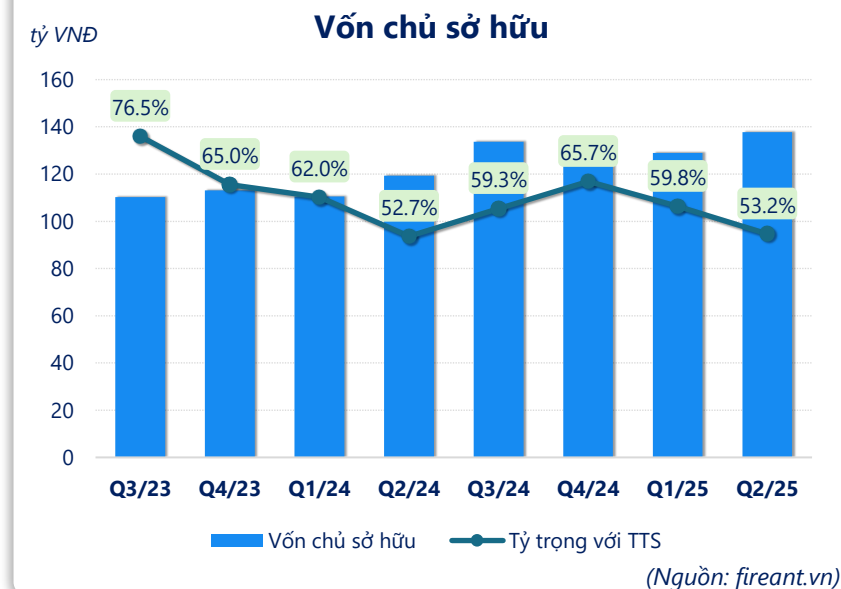
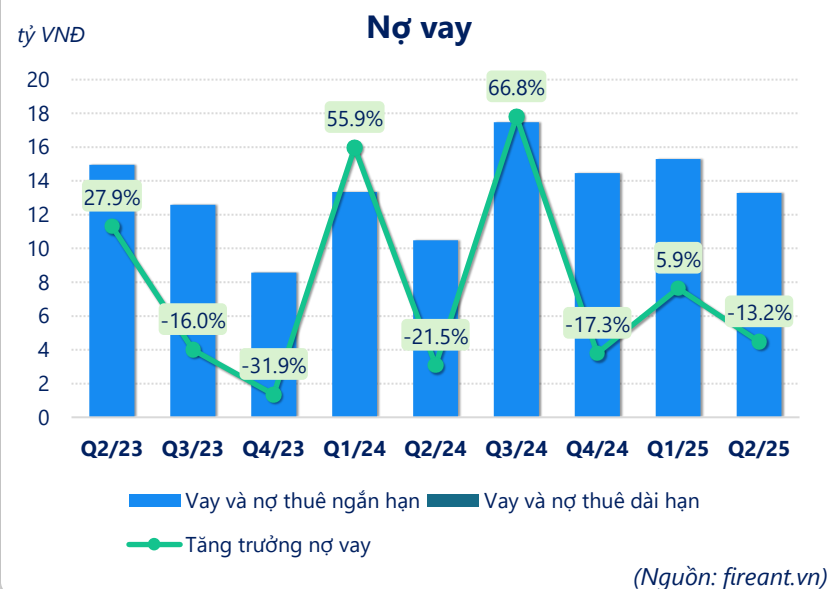
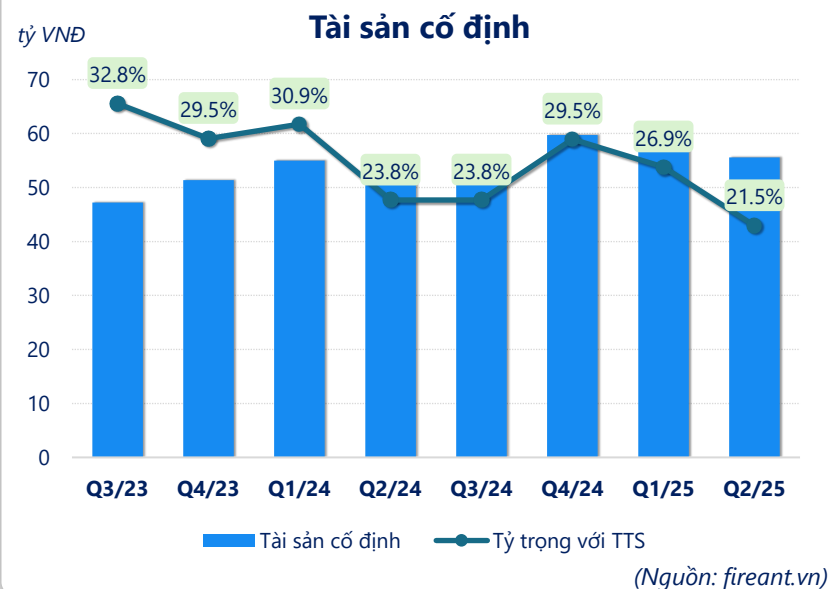
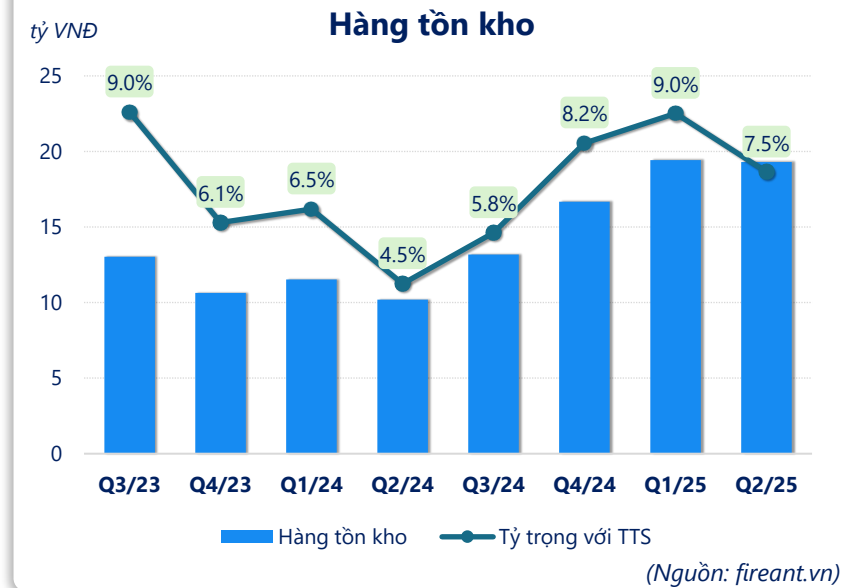
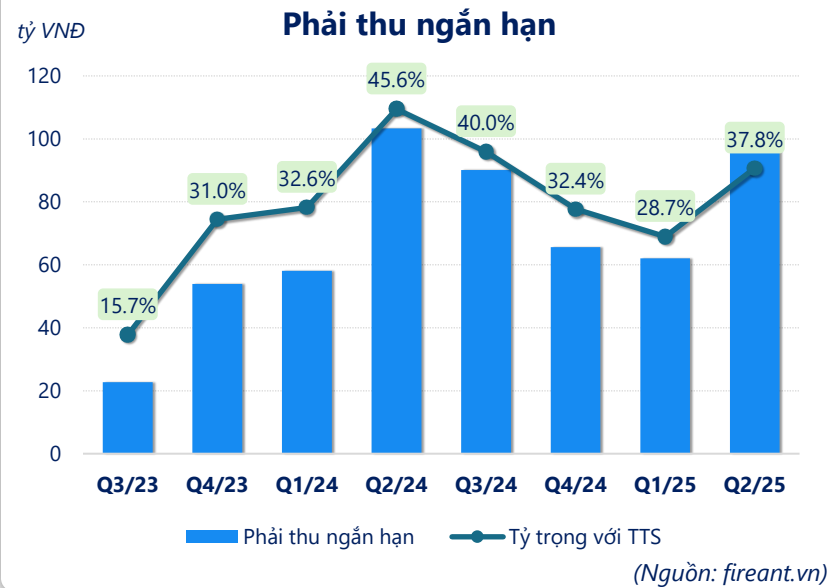
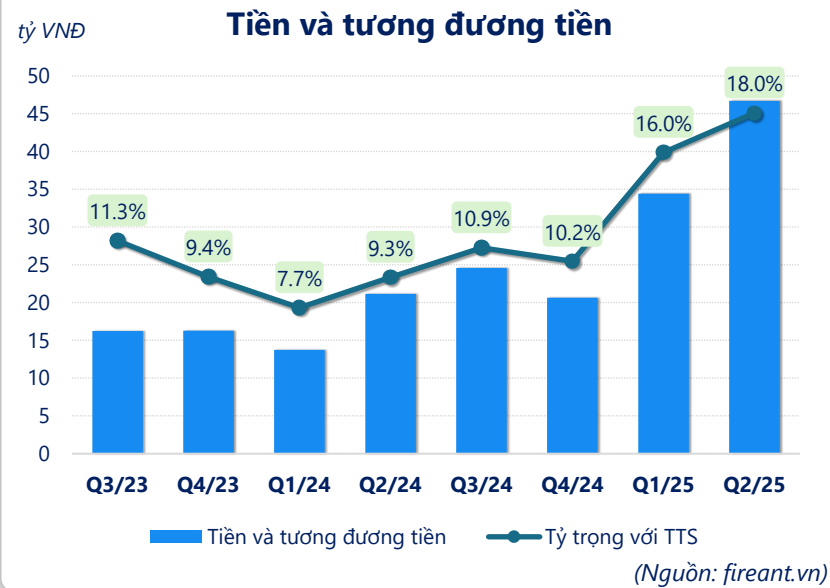
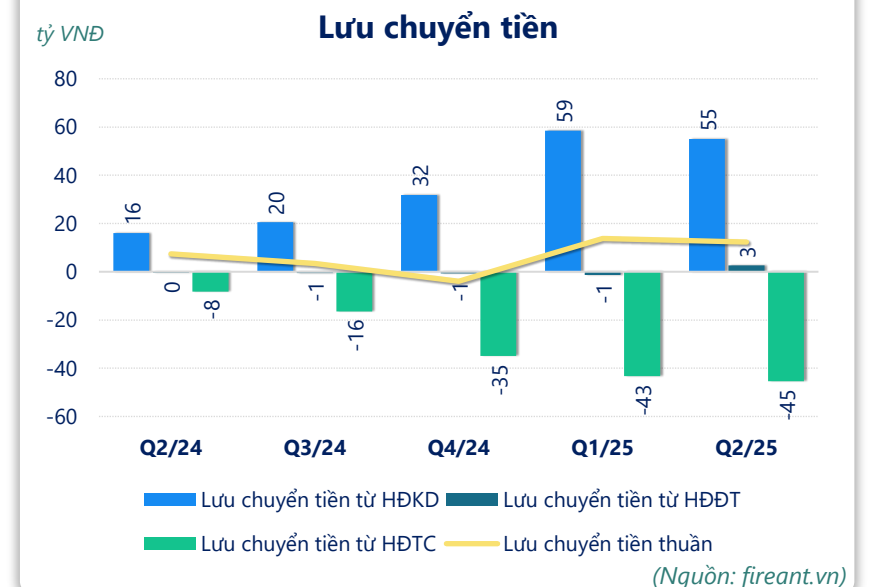
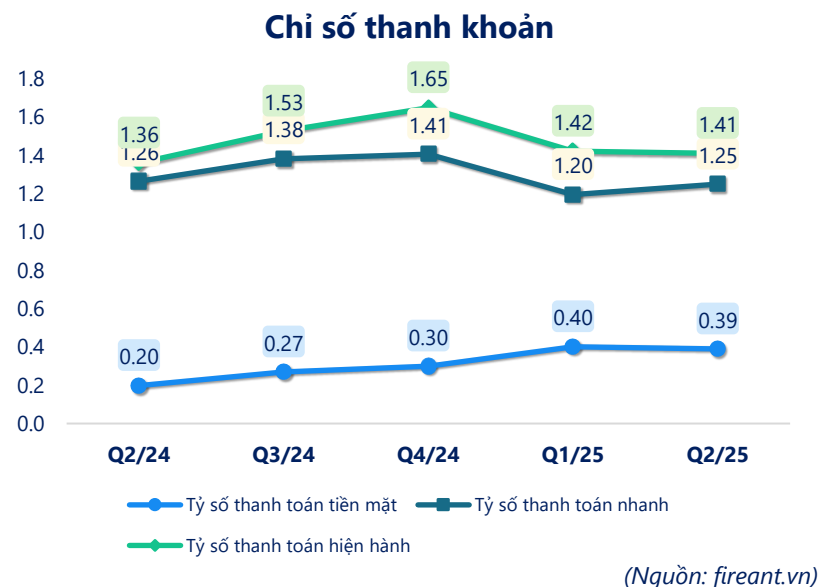
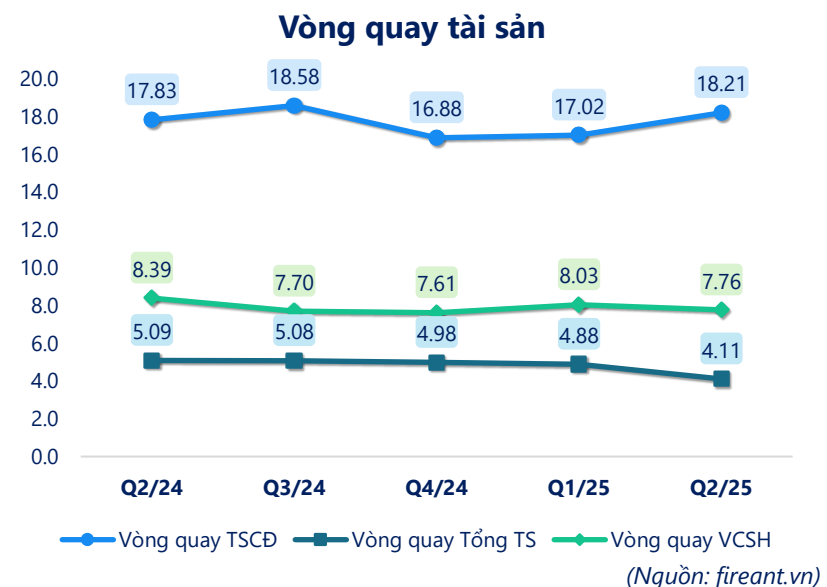
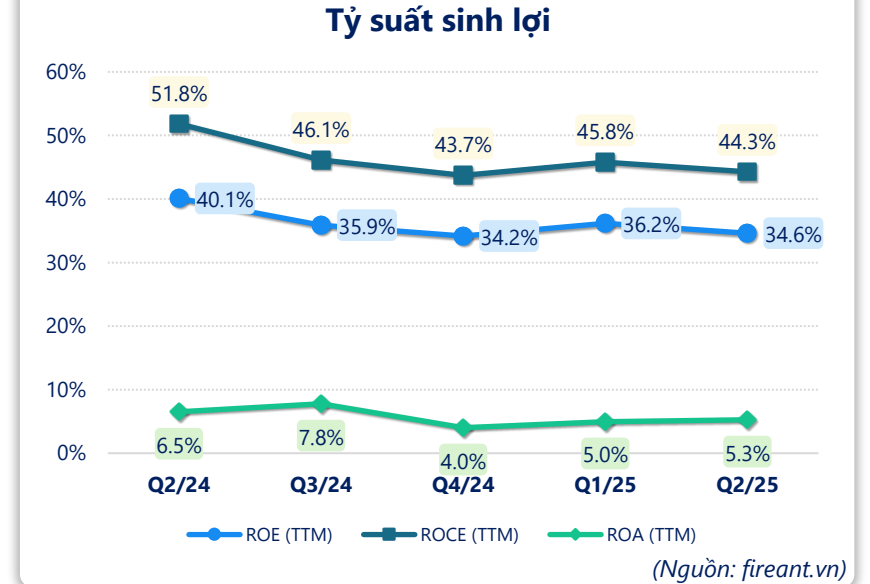
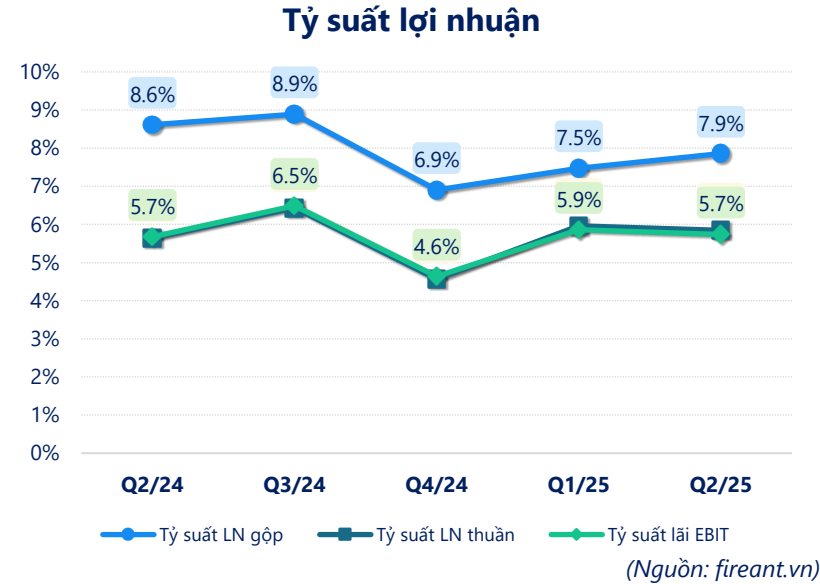
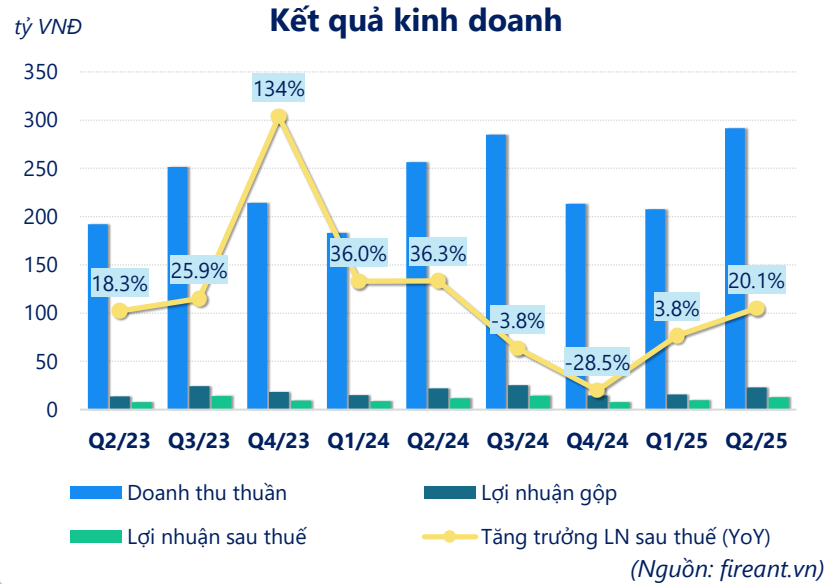


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		67,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		62,743
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,686
SL cổ phiếu LH		8,027,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		541
P/E		12.2
EPS		5,545

	YTD	1T	3T	6T
DNC	16.9%	20.3%	29.6%	26.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	259	203	27.7%
Tài sản ngắn hạn	169	113	49.2%
Tiền và tương đương tiền	46.7	20.6	126%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.62	8.85	-81.7%
Phải thu ngắn hạn	97.9	65.5	49.4%
Hàng tồn kho	19.3	16.4	17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.82	2.08	83.2%
Tài sản dài hạn	89.6	89.3	0.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	55.6	59.7	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.62	0.38	322%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	3.59	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	32.5	25.6	27.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	121	69.5	74.4%
Nợ ngắn hạn	120	68.8	74.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	14.5	-8.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.7	32.5	136%
Nợ dài hạn	1.09	0.69	57.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	133	3.4%
Vốn chủ sở hữu	138	133	3.4%
Vốn điều lệ	80.3	80.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	256	285	213	208	292
Giá vốn hàng bán	234	259	199	192	269
Lợi nhuận gộp	22.1	25.3	14.7	15.5	22.9
Doanh thu HĐTC	-0.01	0.01	0.01	0.44	0.03
Chi phí TC	1.68	1.43	-1.14	-1.61	0.75
Chi phí lãi vay	0.15	0.13	0.12	-0.20	0.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.93	5.58	6.14	5.19	5.14
LN thuần từ HĐKD	14.5	18.3	9.75	12.4	17.0
Lợi nhuận khác	-0.06	0.02	0.02	-0.01	-0.77
LN trước thuế	14.4	18.3	9.77	12.4	16.3
Lợi nhuận sau thuế	11.6	14.4	7.56	9.78	12.8
LNST của CĐ cty mẹ	11.6	14.4	7.56	9.78	12.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.0	20.5	31.8	58.5	55.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.43	-0.56	-0.74	-1.41	2.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.21	-16.5	-35.0	-43.3	-45.4
Tiền đầu kỳ	13.8	21.1	24.6	20.6	34.4
Lưu chuyển tiền thuần	7.39	3.43	-3.94	13.8	12.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.1	24.6	20.6	34.4	46.7

(Nguồn: fireant.vn)